

Bản án số 54/2018/HNGĐ- ST
Ngày 24/5/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa chị L với anh K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chuyên- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị L với anh K” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXX- ST ngày 01 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2018 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày: Năm 2006, chị kết hôn với anh Trần Văn K, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu. Sau đám cưới chị về nhà anh K làm dâu ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do anh K không quan tâm, chia sẻ với chị những khó khăn trong cuộc sống. Chị và anh K sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ tháng 8 năm 2015. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 29/11/2007. Ly hôn, chị đồng ý để anh K nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con chị tự thỏa thuận với anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đinh Thị L vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn K trình bày: Năm 2006, anh kết hôn với chị Đinh Thị L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đan Hôi. Sau đám cưới, anh và chị L về chung sống cùng nhau ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân là trong thời gian lao động ở nước ngoài, chị L có quan hệ ngoại tình với người khác, nhưng anh không có bằng chứng. Mặc dù vậy, nay chị L xin ly hôn, vì con anh không đồng ý.

Về con chung: Trường hợp anh và chị L ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con là Trần Văn Q, sinh ngày 19/11/2007. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn K vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L được ly hôn anh K. Về con chung, giao cho anh K nuôi con là Trần Văn Q. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, anh K, nhưng trước khi mở phiên tòa chị L và anh K có đơn xin xức xở vắng và đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L kết hôn với anh Trần Văn K trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam số 28 ngày 13/12/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Chị L, anh Kiến sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải, nhưng chị L, anh K vẫn không đoàn tụ gia đình được. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị L ly hôn anh K.

[3]. Về con chung: Chị Đinh Thị L, anh Trần Văn K có con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 29/11/2007. Ly hôn, chị L, anh K thỏa thuận để anh K nuôi con. Thỏa thuận của chị L, anh K đúng với nguyện của cháu Q, nên giao cháu Q cho anh K nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đinh Thị L được ly hôn với anh Trần Văn K.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Trần Văn K nuôi con là Trần Văn Q, sinh ngày 29/11/2007. Chị L có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. *Về án phí:* Chị Đinh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002943 ngày 02 tháng 01 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về kháng cáo:* Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân

**TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Ngày 24/5/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa chị L với anh K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chuyên- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị L với anh K” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXX- ST ngày 01 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2018 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày: Năm 2006, chị kết hôn với anh Trần Văn K, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu. Sau đám cưới chị về nhà anh K làm dâu ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do anh K không quan tâm, chia sẻ với chị những khó khăn trong cuộc sống. Chị và anh K sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ tháng 8 năm 2015. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 29/11/2007. Ly hôn, chị đồng ý để anh K nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con chị tự thỏa thuận với anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đinh Thị L vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn K trình bày: Năm 2006, anh kết hôn với chị Đinh Thị L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đan Hồi. Sau đám cưới, anh và chị L về chung sống cùng nhau ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân là trong thời gian lao động ở nước ngoài, chị L có quan hệ ngoại tình với người khác, nhưng anh không có bằng chứng. Mặc dù vậy, nay chị L xin ly hôn, vì con anh không đồng ý.

Về con chung: Trường hợp anh và chị L ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con là Trần Văn Q, sinh ngày 19/11/2007. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn K vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L được ly hôn anh K. Về con chung, giao cho anh K nuôi con là Trần Văn Q. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, anh K, nhưng trước khi mở phiên tòa chị L và anh K có đơn xin xức xở vắng và đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L kết hôn với anh Trần Văn K trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam số 28 ngày 13/12/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Chị L, anh Kiến sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải, nhưng chị L, anh K vẫn không đoàn tụ gia đình được. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị L ly hôn anh K.

[3]. Về con chung: Chị Đinh Thị L, anh Trần Văn K có con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 29/11/2007. Ly hôn, chị L, anh K thỏa thuận để anh K nuôi con. Thỏa thuận của chị L, anh K đúng với nguyện của cháu Q, nên giao cháu Q cho anh K nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị L được ly hôn với anh Trần Văn K.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Trần Văn K nuôi con là Trần Văn Q, sinh ngày 29/11/2007. Chị L có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Đinh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002943 ngày 02 tháng 01 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã Đ;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân